

Số: ~~2965~~ 2965/SYT-TTKN
V/v điều chỉnh số lượng thuốc phân bổ
(đợt 40)

Hải Phòng, ngày 30 tháng 10 năm 2019

Kính gửi: Các đơn vị khám, chữa bệnh

Sở Y tế ban hành các Quyết định: Số 1317/QĐ-SYT ngày 16/11/2017 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 1355/QĐ-SYT ngày 27/11/2017 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị (gồm 351 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2017-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 427/QĐ-SYT ngày 02/4/2018 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu Mua sắm thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu (gồm 246 lô thuốc) thuộc Dự án: Mua sắm thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu năm 2017-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 189/QĐ-SYT ngày 13/02/2019 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Sở Y tế ban hành các Công văn: Số 2459/SYT-NVD ngày 22/11/2017 về việc phân bổ số lượng thuốc theo tên Generic trúng thầu năm 2017 – 2019; số 2562/SYT-NVD ngày 05/12/2017 về việc phân bổ số lượng thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị trúng thầu năm 2017 – 2019; số 703/SYT-NVD ngày 03/4/2018 về việc phân bổ số lượng thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu trúng thầu năm 2017-2019; số 322/SYT-TTKN ngày 19/02/2019 về việc phân bổ số lượng thuốc trúng thầu Gói thầu mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc); số 36a/SYT-NVD ngày 09/01/2018; số 542/SYT-NVD ngày 20/3/2018; số 789/SYT-NVD ngày 11/4/2018; số 918/SYT-NVD ngày 20/4/2018; số 1093/SYT-TTKN ngày 14/5/2018; số 1184/SYT-TTKN ngày 21/5/2018; số 1292/SYT-TTKN ngày 31/5/2018; số 1390/SYT-TTKN ngày 12/6/2018; số 1524/SYT-TTKN ngày 22/6/2018; số 1722/SYT-TTKN ngày 11/7/2018, số 1825/SYT-TTKN ngày 23/7/2018; số 1994/SYT-TTKN ngày 09/8/2018; số 2165/SYT-TTKN ngày 30/8/2018; số 2259/SYT-TTKN ngày 12/9/2018; số 2448/SYT-TTKN ngày 05/10/2018; số 2482/SYT-TTKN ngày 10/10/2018; số 2628/SYT-TTKN ngày 24/10/2018; số 2691/SYT-TTKN ngày 02/11/2018; số

2841/SYT-TTKN ngày 16/11/2018; số 2999/SYT-TTKN ngày 03/12/2018; số 3156/SYT-TTKN ngày 21/12/2018; số 70/SYT-TTKN ngày 08/01/2019; số 166/SYT-TTKN ngày 21/01/2019; số 249/SYT-TTKN ngày 11/02/2019; số 674/SYT-TTKN ngày 25/03/2019; số 732/SYT-TTKN ngày 28/3/2019; số 849/SYT-TTKN ngày 09/4/2019; số 947/SYT-TTKN ngày 22/4/2019; số 1037/SYT-TTKN ngày 04/5/2019; số 1161/SYT-TTKN ngày 13/5/2019; số 1365/SYT-TTKN ngày 31/5/2019; số 1574/SYT-TTKN ngày 18/6/2019; số 1794/SYT-TTKN ngày 09/7/2019; số 1921/SYT-TTKN ngày 22/7/2019; số 2081/SYT-TTKN ngày 07/8/2019; số 2226/SYT-TTKN ngày 21/8/2019; số 2268/SYT-TTKN ngày 26/8/2019; số 2423/SYT-TTLN ngày 11/9/2019; số 2780/SYT-TTKN ngày 10/10/2019 về việc điều chỉnh số lượng thuốc phân bổ từ đợt 1 đến đợt 39.

Trong quá trình thực hiện, Sở Y tế nhận được đề nghị của các đơn vị về việc xin điều chỉnh số lượng thuốc đã được phân bổ. Sau khi xem xét, Sở Y tế điều chỉnh số lượng đã được phân bổ của các đơn vị theo đề nghị (*danh mục chi tiết đính kèm*).

Các đơn vị căn cứ danh mục điều chỉnh số lượng thuốc đã được phân bổ để tiến hành mua thuốc và thanh toán với cơ quan Bảo hiểm xã hội.

Sở Y tế thông báo để các đơn vị biết và thực hiện./. 

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- GD SYT (để báo cáo);
- PGĐ Nguyễn Tiến Sơn;
- BHXH TP, Kho bạc NNHP (để phối hợp);
- Cổng thông tin điện tử Sở Y tế Hải Phòng;
- Lưu: VT, NVD, TTKN.



Nguyễn Tiến Sơn

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019



Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số 2965/SYT-TTKN ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh Viện Y Học Cổ Truyền

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyên số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1233	Pectaril 5mg	Quinapril	5mg	Hộp 06 vi x 10 viên nén bao phim, uống	36	VD-24190-16	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	3	2394,00	HP104	7.000		1.600	Thủy Nguyên	8.600
2	G1339	Simtanin 20 mg	Simvastatin	20mg	3 vi x 10 viên, viên nén bao phim, uống	36	VD-25976-16	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm, Việt Nam	Viên	3	462,00	HP111	4.000		500	An Lão	4.500
3	G1859	Metformin Stada 500mg	Metformin hydrochlorid	500mg	Hộp 3 vi x 10 viên nén bao phim, uống	60 tháng	VD-23976-15	Liên doanh Stada - VN	Viên	1	570,00	HP019	18.500		2.300	An Lão	20.800

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2965** /SYT-TTKN ngày **30** tháng **10** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa huyện Thủy Nguyên

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyên số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1119	Amlodipin Stada 5mg	Amlodipin	5mg	Hộp 3 vi x 10 viên nang cứng, uống	48 tháng	VD-19692-13	Liên doanh Stada - VN	Viên	2	730,00	HP019	1.480.000	30.000		Kiến Thụy	1.450.000
2	G1233	Pectaril 5mg	Quinapril	5mg	Hộp 06 vi x 10 viên nén bao phim, uống	36	VD-24190-16	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	3	2394,00	HP104	93.000	1.600		YHCT	91.400
3	G1853	PANFOR SR- 1000	Metformin hydrochlorid	1000mg	Hộp 5 vi x 20 viên, Viên nén phóng thích chậm, Uống	36 tháng	VN-20187-16	Inventia healthcare Pvt.Ltd- Ấn Độ	Viên	4	2000,00	HP014	290.000		100000 + 100000	TTYT Dương Kinh + ĐHY	490.000
4	G1862	PANFOR SR- 500	Metformin hydrochlorid	500mg	Hộp 5 vi x 20 viên, Viên nén phóng thích chậm, Uống	36 tháng	VN-20018-16	Inventia healthcare Pvt.Ltd- Ấn Độ	Viên	4	1200,00	HP014	1.768.000		200000 + 150000 + 250000	Hải An + BBVSK + Ngô Quyền	2.368.000
5	G1866	PANFOR SR- 750	Metformin hydrochlorid	750mg	Hộp 10 vi x 10 viên, Viên nén phóng thích chậm, Uống	24 tháng	VN-20188-16	Inventia healthcare Pvt.Ltd- Ấn Độ	Viên	4	1.900,00	HP014	0		100.000	YHHQ	100.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số ~~2965~~ /SYT-TTKN ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0500	Cefoperazone ABR 2g powder for solution for injection	Cefoperazon *	2g	Hộp 05 lọ bột đông khô pha tiêm; Tiêm	24 tháng	VN-20733-17	Balkanpharma - Razgrad AD - Bulgaria	Lọ	1	110.000,00	HP121	0		10.000	Việt Tiệp	10.000
2	G0643	Moretel	Metronidazol	500mg/100ml	Hộp 10 lọ; Dung dịch tiêm truyền; Tiêm truyền	36 tháng	VN-19063-15	S.M Farmaceutici SRL - Italy	Lọ	1	30.500,00	HP081	330		150	Kiến Thụy	480
3	G0644	Metronidazol Kabi	Metronidazol	500mg/100ml	Hộp 48 chai nhựa 100ml, dung dịch tiêm truyền	36 tháng	VD-26377-17	Fresenius Kabi Bidiphar - Việt Nam	Chai	3	9.450,00	HP145	473		100	An Lão	573
4	G1496	Maltagit	Attapulgit mormoiron hoạt hóa + hỗn hợp magnesi carbonat-nhôm hydroxyd khô	2,5g + 0,5g	Hộp 30 gói x 3,3g thuốc bột pha hỗn dịch, Uống	36	VD-26824-17	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Gói	3	2.079,00	HP104	28.000		2.000	ĐHY	30.000
5	G1859	Metformin Stada 500mg	Metformin hydrochlorid	500mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim, uống	60 tháng	VD-23976-15	Liên doanh Stada - VN	Viên	1	570,00	HP019	0		1.000	TTYT Kiến An	1.000

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
6	G2043	Montelukast 10mg	Montelukast	10mg	Hộp 10 vi x 10 viên; Viên nén bao phim; Uống	36	VD-23044-15	Dopharma - Việt Nam	Viên	3	1.293,00	HP035	54.000		7.000	Lê Chân	61.000
7	G2290	Vitamin B6 100mg/1ml	Pyridoxin hydroclorid	100mg/1 ml	Hộp 100 ống x 1ml; Dung dịch thuốc tiêm	24	VD-18653-13	Dopharma - Việt Nam	Ống	3	504,00	HP035	3.900		1.000	Kiến Thụy	4.900

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2965** /SYT-TTKN ngày **30** tháng **10** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1862	PANFOR SR- 500	Metformin hydrochlorid	500mg	Hộp 5 vi ×20 viên, Viên nén phóng thích chậm, Uống	36 tháng	VN-20018-16	Inventia healthcare Pvt.Ltd- Ấn Độ	Viên	4	1.200,00	HP014	150.000	150.000		Thủy Nguyên	0

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2965**/SYT-TTKN ngày **30** tháng **10** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Kiến Thụy

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0033	Morphin HCl 0.01g - 1ml	Morphin (hydroclorid)	10mg/ml	Hộp 5 vi x 5 ống, dung dịch tiêm, tiêm	36	VD-24315-16	CN Vidipha - Việt Nam	Ống	3	3.990,00	HP037	15.000		1.000	YHHQ	16.000
2	G0305	Noradrenalin	Noradrenalin (dưới dạng Noradrenalin tartrat)	1mg/ml - 1ml	Hộp 5 vi x 10 ống dung dịch tiêm	36 tháng	VD-24902-16	CTCPDP Vĩnh Phúc - Việt Nam	ống	3	26.000,00	HP047	0		200	YHHQ	200
3	G0643	Moretel	Metronidazol	500mg/100ml	Hộp 10 lọ; Dung dịch tiêm truyền; Tiêm truyền	36 tháng	VN-19063-15	S.M Farmaceutici SRL - Italy	Lọ	1	30.500,00	HP081	3.000	150		Lao	2.850
4	G0708	Ciprofloxacin Kabi	Ciprofloxacin	200mg/100ml	Hộp 48 chai, dung dịch tiêm truyền	36 tháng	VD-20943-14	Fresenius Kabi Bidiphar - Việt Nam	Chai	3	17.575(*)	HP145	2.000		2.000	YHB	4.000
5	G1079	Glyceryl Trinitrat Hameln 1mg/ml Inj	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	1mg/1ml - 10ml	Hộp 10 ống 10ml dung dịch tiêm, Tiêm	36 tháng	VN-18845-15	Hameln-đức	Ống	Nhóm 1	72.975,00	HP036	0		20	YHHQ	20
6	G1095	Hismedan	Trimetazidin dihydrochlorid	20mg	Hộp 10 vi x 20 viên nén bao phim, uống	36 tháng	VD-18742-13	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	viên	3	82,00	HP022	61.000		40.000	YHB	101.000

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
7	G1102	CORDARONE 150mg/3ml	Amiodarone HCL	150mg/3ml	Hộp 6 ống x 3ml, Dung dịch thuốc tiêm, Tiêm tĩnh mạch (IV)	24 tháng	VN-11316-10	Sanofi Winthrop Industrie-Pháp	Ống	1	30.048,00	HP119	0		20	YHHQ	20
8	G1114	Dorodipin 10mg	Amlodipin	10mg	Hộp 1 vỉ x 10 VNE, Viên nén, Uống	36 tháng	VD-25426-16	DOMESCO - Việt Nam	Viên	4	340,00	HP074	100.000		50.000	YHHQ	150.000
9	G1119	Amlodipin Stada 5mg	Amlodipin	5mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng, uống	48 tháng	VD-19692-13	Liên doanh Stada - VN	Viên	2	730,00	HP019	300.000		30.000	Thủy Nguyên	330.000
10	G1134	MAXXPRO LOL 2.5	Bisoprolol fumarat	2,5mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên, viên nén bao phim, Uống	36 tháng	VD-25134-16	Công ty CPDP Ampharco U.S.A - Việt Nam	Viên	3	268,00	HP011	135.300		14.700	YHHQ	150.000
11	G1209	NIKP-Nicardipine injection 2mg/2ml	Nicardipin hydrochlorid	2mg/2ml	Hộp 10 ống 2 ml, dung dịch tiêm	36 tháng	14801/Q LD-KD	Nichi-Iko Pharmaceutical Co.,Ltd, Achi Plant, Nhật Bản	Ống	Nhóm 1	79.000,00	HP125	0		20	YHHQ	20
12	G1291	Leninarto 10	Atorvastatin	10mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Viên nén bao phim, Uống	24 tháng	VD-16267-12	SaViPharm - Việt Nam	Viên	Nhóm 2	900,00	HP036	50.000		30.000	An Lão	80.000
13	G1305	Hafenthyl 145mg	Fenofibrat	145mg	3 vỉ x 10 viên, viên nén bao phim, uống	36	VD-25971-16	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm, Việt Nam	Viên	3	3.150,00	HP111	0		36.000	Hồng Bàng	36.000

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
14	G1527	OCID IV	Omeprazole	40mg	Hộp 1 lọ và 1 ống nước cất pha tiêm-Bột đông khô pha tiêm + nước cất-Tiêm	36 tháng	VN-9151-09	Cadila Healthcare Ltd.-India	Lọ	2	26.900,00	Hp033	5.700		1.300	Kiến An	7.000
15	G1531	Kagasdine	Omeprazol	20mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang bao tan trong ruột, uống	36 tháng	VD-16386-12	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	viên	3	133,00	HP022	100.000		80.000	Ngô Quyền	180.000
16	G1693	Laknitol	L-ornithin-L-Aspartat	5000mg/10ml	Hộp 5 ống 10ml dung dịch tiêm tĩnh mạch	36 tháng	VD-14472-11	Công ty CP Dược VTYT Hải Dương - Việt Nam	Ống	3	31.000,00	HP048	0		800	TTYT Dương Kinh	800
17	G1863	Glucofast 500	Metformin hydrochlorid	500mg	Hộp 4 vỉ * 15 viên, viên nén bao phim, uống	36 tháng	VD-16435-12	Công ty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế - Việt Nam	viên	4	170,00	HP137	300.000		100.000	YHB	400.000
18	G2060	Salbutamol	Salbutamol	0.5mg/1ml	Hộp 10 ống, Dung dịch thuốc tiêm	36tháng	VN-16083-12	Warsaw Pharmaceutic alWorks Polfa S.A, Ba lan	ống	1	12.000,00	HP106	0		500	Việt Tiếp	500
19	G2290	Vitamin B6 100mg/1ml	Pyridoxin hydroclorid	100mg/1ml	Hộp 100 ống x 1ml; Dung dịch thuốc tiêm	24	VD-18653-13	Dopharma - Việt Nam	Ống	3	504,00	HP035	50.000	1.000		Lao	49.000

Ghi chú: giá (*) là giá điều chỉnh sau giảm giá của sản phẩm Ciprofloxacin Kabi tại Công văn số 1367/SYT-TTKN ngày 31/5/2019 của Sở Y tế Hải Phòng

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2965**/SYT-TTKN ngày **30** tháng **10** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Viện Y học Hải Quân

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0019	Ketamin Hydrochloride Injection USP	Ketamin hydroclorid	50mg/ml - 10ml	Hộp 25 lọ, dung dịch tiêm, tiêm	60	01/2016 -P	Rotex - Đức	Ống	1	50.820,00	HP037	95	20		YHB	75
2	G0033	Morphin HCl 0.01g - 1ml	Morphin (hydroclorid)	10mg/ml	Hộp 5 vi x 5 ống, dung dịch tiêm, tiêm	36	VD-24315-16	CN Vidipha - Việt Nam	Ống	3	3.990,00	HP037	5.000	1.000		Kiến Thụ	4.000
3	G0305	Noradrenalin	Noradrenalin (dưới dạng Noradrenalin tartrat)	1mg/ml - 1ml	Hộp 5 vi x 10 ống dung dịch tiêm	36 tháng	VD-24902-16	CTCPDP Vĩnh Phúc - Việt Nam	ống	3	26.000,00	HP047	5.000	200		Kiến Thụ	4.800
4	G1079	Glyceryl Trinitrat Hameln 1mg/ml Inj	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	1mg/1ml - 10ml	Hộp 10 ống 10ml dung dịch tiêm, Tiêm	36 tháng	VN-18845-15	Hameln-đức	Ống	Nhóm 1	72.975,00	HP036	415	20		Kiến Thụ	395
5	G1102	CORDARONE 150mg/3ml	Amiodarone HCL	150mg/3ml	Hộp 6 ống x 3ml, Dung dịch thuốc tiêm, Tiêm tĩnh mạch (IV)	24 tháng	VN-11316-10	Sanofi Winthrop Industrie-Pháp	Ống	1	30.048,00	HP119	500	20		Kiến Thụ	480
6	G1114	Dorodipin 10mg	Amlodipin	10mg	Hộp 1 vi x 10 VNE, Viên nén, Uống	36 tháng	VD-25426-16	DOMESCO - Việt Nam	Viên	4	340,00	HP074	625.000	50.000		Kiến Thụ	575.000
7	G1134	MAXXPLOL 2.5	Bisoprolol fumarat	2,5mg	Hộp 10 vi x 10 viên, viên nén bao phim, Uống	36 tháng	VD-25134-16	Công ty CPDP Ampharco U.S.A - Việt Nam	Viên	3	268,00	HP011	89.700	14.700		Kiến Thụ	75.000

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
8	G1209	NIKP-Nicardipine injection 2mg/2ml	Nicardipin hydrochlorid	2mg/2ml	Hộp 10 ống 2 ml, dung dịch tiêm	36 tháng	14801/Q LD-KD	Nichi-Iko Pharmaceutical Co.,Ltd, Achi Plant, Nhật Bản	Ống	Nhóm 1	79.000,00	HP125	1.250	20		Kiến Thụy	1.230
9	G1866	PANFOR SR- 750	Metformin hydrochlorid	750mg	Hộp 10 vi x 10 viên, Viên nén phóng thích chậm, Uống	24 tháng	VN-20188-16	Inventia healthcare Pvt.Ltd- Ấn Độ	Viên	4	1.900,00	HP014	500.000	100.000		Thủy Nguyên	400.000
10	G1927	Mezacosid	Thiocolchicosid	4mg	Hộp 03 vi x 10 viên nén, Uống	24	VD-20735-14	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	3	1.974,00	HP104	36.000		12.000	TTYT Kiến An	48.000

24

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2965**/SYT-TTKN ngày **30** tháng **10** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa huyện An Lão

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0644	Metronidazo l Kabi	Metronidazol	500mg/1 00ml	Hộp 48 chai nhựa 100ml, dung dịch tiêm truyền	36 tháng	VD- 26377- 17	Fresenius Kabi Bidiphar - Việt Nam	Chai	3	9.450,00	HP145	1.800	100		Lao	1.700
2	G1291	Leninarto 10	Atorvastatin	10mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Viên nén bao phim, Uống	24 tháng	VD- 16267- 12	SaViPharm - Việt Nam	Viên	Nhóm 2	900,00	HP036	250.000	30.000		Kiến Thụy	220.000
3	G1339	Simtanin 20 mg	Simvastatin	20mg	3 vỉ x 10 viên, viên nén bao phim, uống	36	VD- 25976- 16	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm, Việt Nam	Viên	3	462,00	HP111	99.000	500		YHCT	98.500
4	G1859	Metformin Stada 500mg	Metformin hydrochlorid	500mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim, uống	60 tháng	VD- 23976- 15	Liên doanh Stada - VN	Viên	1	570,00	HP019	191.500	2.300		YHCT	189.200
5	G2069	Atisalbu	Salbutamol	2mg/5ml	Hộp 20 ống, 30 ống, 50 ống x 5ml, Dung dịch, Uống	24 tháng	VD- 25647- 16	Công ty CP DP An Thiên - Việt Nam	Ống	Nhóm 3	3.990,00	HP002	50.000	6.000		Việt Tiệp	44.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2965**/SYT-TTKN ngày **30** tháng **10** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa huyện An Lão

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1524	Mezagastro	Nizatidin	150mg	Hộp 03 vỉ x 10 viên nang cứng, uống	36	VD-24771-16	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	3	2.499,00	HP104	63.000		30.000	ĐHY	93.000

Handwritten signature

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2965** /SYT-TTKN ngày **30** tháng **10** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0500	Cefoperazone ABR 2g powder for solution for injection	Cefoperazon *	2g	Hộp 05 lọ bột đông khô pha tiêm; Tiêm	24 tháng	VN-20733-17	Balkanpharma - Razgrad AD - Bulgaria	Lọ	1	110.000,00	HP121	175.000	10.000		Lao	165.000
2	G0709	Basomicin 400	Ciprofloxacin	400mg/200ml	Hộp 1 lọ dung dịch tiêm truyền; Tiêm truyền	24	VD-18768-13	CT CPDP TW1 - Pharbaco - Việt Nam	Lọ	3	94.000,00	HP053	113.000		8.000	ĐHY	121.000
3	G1051	Green-VIII Inj	Yếu tố VIII	250IU/lọ	Hộp 1 lọ 250UI và 1 lọ dung môi, bột đông khô pha tiêm, tiêm tĩnh mạch hay truyền nhỏ giọt	24 tháng	QLSP-0753-13	Green Cross Corporation - Hàn Quốc	Lọ	2	1.680.000,00	HP078	1.500		400	Trẻ Em	1.900
4	G1055	Tetraspan 6% solution for infusion	Tinh bột este hóa (Hydroxyethylstarch)	6% - 500ml	Hộp 10 chai 500ml, dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	24	VN-18497-14	B.Braun Medical AG - Thụy Sĩ	Chai	1	110.000,00	HP037	0		100	Kiến An	100
5	G1488	Vinzix	Furosemid	40mg	Hộp 5 vỉ x 50 viên nén, uống	36 tháng	VD-15672-11	Vinphaco-Việt Nam	Viên	3	125,00	HP145	370.000	500		YHB	369.500

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
6	G1692	Povinsea	L-ornithin-L-aspartat	1g/2ml	Hộp 10 ống 2ml. Dung dịch tiêm. Tiêm/truyền.	36 tháng	VD-19951-13	Công ty DP DP TW 1 Pharbaco - Việt Nam	ống	3	30.000,00	HP077	37.500		6.800	Tiên Lãng	44.300
7	G1885	Disthyrox	Levothyroxin (muối natri)	100mcg	Hộp 05 vi x 20 viên nén, uống	24	VD-21846-14	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	3	294,00	HP104	72.000	300		YHB	71.700
8	G1896	Mezamazol	Thiamazol	5mg	Hộp 10 vi x 10 viên nén, Uống	24	VD-21298-14	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	3	882,00	HP104	80.000	1.000		YHB	79.000
9	G2060	Salbutamol	Salbutamol	0.5mg/1 ml	Hộp 10 ống, Dung dịch thuốc tiêm	36tháng	VN-16083-12	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A, Ba lan	ống	1	12.000,00	HP106	216.200	500	0	Kiến Thụy	215.700
10	G2069	Atisalbu	Salbutamol	2mg/5ml	Hộp 20 ống, 30 ống, 50 ống x 5ml, Dung dịch, Uống	24 tháng	VD-25647-16	Công ty CP DP An Thiên - Việt Nam	Ống	Nhóm 3	3.990,00	HP002	90.000		6.000	An Lão	96.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2965** /SYT-TTKN ngày **30** tháng **10** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0709	Basmicin 400	Ciprofloxacin	400mg/200ml	Hộp 1 lọ dung dịch tiêm truyền; Tiêm truyền	24	VD-18768-13	CT CPDP TW1 - Pharbaco - Việt Nam	Lọ	3	94.000,00	HP053	35.000	8.000		Việt Tiệp	27.000
2	G1496	Maltagit	Attapulgit mormoiron hoạt hóa + hỗn hợp magnesi carbonat-nhôm hydroxyd khô	2,5g + 0,5g	Hộp 30 gói x 3,3g thuốc bột pha hỗn dịch, Uống	36	VD-26824-17	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Gói	3	2.079,00	HP104	52.000	20000 + 2000		TTYT Hồng Bàng + Lao	30.000
3	G1853	PANFOR SR- 1000	Metformin hydrochlorid	1000mg	Hộp 5 vi x 20 viên, Viên nén phóng thích chậm, Uống	36 tháng	VN-20187-16	Inventia healthcare Pvt.Ltd- Ấn Độ	Viên	4	2.000,00	HP014	500.000	100.000		Thủy Nguyên	400.000
4	G2140	Pomatat	Magnesi Aspartat + Kali Aspartat	140mg + 158mg	Hộp 06 vi x 10 viên nén bao phim, uống	24	VD-22155-15	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	3	1.050,00	HP104	100.000	35.000		TTYT Hồng Bàng	65.000
5	G0296	BFS-Naloxone	Naloxon hydroclorid	0,4mg/ml	Hộp 10 ống x 1ml, Dung dịch, Tiêm	24	VD-23379-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Ống	3	29.400,00	HP017	500	10		TTYT Hồng Bàng	490

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2965**/SYT-TTKN ngày **30** tháng **10** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm y tế huyện An Dương

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0043	SEAOFLUR A	Sevofluran	250ml	Hộp 1 chai 250ml, Dung dịch gây mê đường hô hấp	60 tháng	VN-17775-14	Piramal Critica Care, Inc. USA	Chai	1	1.825.000,00	HP014	20		10	Ngô Quyền	30
2	G1919	BFS-Neostigmine 0.5	Neostigmin metylsulfat	0,5mg/ml	Hộp 20 ống x 1ml, Dung dịch tiêm, Tiêm	36	VD-24009-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Ống	3	6.825,00	HP017	30		70	Ngô Quyền	100

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 -- 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2965** /SYT-TTKN ngày **30** tháng **10** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm Y tế quận Hải An

ST T	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/ nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1282	Aspirin - 100	Acid Acetylsalicyl ic	100mg	Hộp 3 vỉ * 10 viên, Viên bao tan trong ruột, Uống	24 tháng	VD- 20058- 13	Traphaco - Việt Nam	Viên	Nhóm 3	450,00	HP072	120.000		5.000	Ngô Quyền	125.000
2	G1862	PANFOR SR- 500	Metformin hydrochlorid	500mg	Hộp 5 vỉ * 20 viên, Viên nén phóng thích chậm, Uống	36 tháng	VN- 20018- 16	Inventia healthcare Pvt.Ltd- Ấn Độ	Viên	4	1.200,00	HP014	400.000	200.000		Thủy Nguyễn	200.000
3	G1927	Mezacosid	Thiocolchico sid	4mg	Hộp 03 vỉ x 10 viên nén, Uống	24	VD- 20735- 14	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	3	1.974,00	HP104	36000		4000	TTYT Kiến an	40000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2965**/SYT-TTKN ngày **30** tháng **10** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm Y tế Kiến An

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1859	Metformin Stada 500mg	Metformin hydrochlorid	500mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim, uống	60 tháng	VD-23976-15	Liên doanh Stada - VN	Viên	1	570,00	HP019	359.000	1.000		Lao	358.000
2	G1927	Mezacosid	Thiocolchicosid	4mg	Hộp 03 vỉ x 10 viên nén, Uống	24	VD-20735-14	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	3	1.974,00	HP104	36.000	12000 + 4000		YHHQ + Hải An	20.000

pr

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2965**/SYT-TTKN ngày **30** tháng **10** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm y tế huyện Tiên Lãng

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1692	Povinsea	L-ornithin-L-aspartat	1g/2ml	Hộp 10 ống 2ml. Dung dịch tiêm. Tiêm/truyền.	36 tháng	VD-19951-13	Công ty DP DP TW I Pharbaco - Việt Nam	ống	3	30.000,00	HP077	7.210	6.800		Việt Tiệp	410

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2965**/SYT-TTKN ngày **30** tháng **10** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Kiến An

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1055	Tetraspan 6% solution for infusion	Tinh bột este hóa (Hydroxyethylstarch)	6% - 500ml	Hộp 10 chai 500ml, dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	24	VN-18497-14	B.Braun Medical AG - Thụy Sĩ	Chai	1	110.000,00	HP037	3.100	100		Việt Tiệp	3.000
2	G1527	OCID IV	Omeprazole	40mg	Hộp 1 lọ và 1 ống nước cất pha tiêm-Bột đông khô pha tiêm + nước cất-Tiêm	36 tháng	VN-9151-09	Cadila Healthcare Ltd.-India	Lọ	2	26.900,00	Hp033	11.300	1.300		Kiến Thụy	10.000

Handwritten signature

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2965**/SYT-TTKN ngày **30** tháng **10** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm Y tế quận Dương Kinh

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1693	Laknitol	L-ornithin- L-Aspartat	5000mg/10ml	Hộp 5 ống 10ml dung dịch tiêm tĩnh mạch	36 tháng	VD-14472-11	Công ty CP Dược VTYT Hải Dương - Việt Nam	Ống	3	31.000,00	HP048	2.000	800		Kiến Thụy	1.200
2	G1853	PANFOR SR- 1000	Metformin hydrochlorid	1000mg	Hộp 5 vỉ ×20 viên, Viên nén phóng thích chậm, Uống	36 tháng	VN-20187-16	Inventia healthcare Pvt.Ltd- Ấn Độ	Viên	4	2.000,00	HP014	100.000	100.000		Thủy Nguyên	0

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2965**/SYT-TTKN ngày **30** tháng **10** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Trẻ Em

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1051	Green-VIII Inj	Yếu tố VIII	250IU/ lọ	Hộp 1 lọ 250UI và 1 lọ dung môi, bột đông khô pha tiêm, tiêm tĩnh mạch hay truyền nhỏ giọt	24 tháng	QLSP-0753-13	Green Cross Corporation - Hàn Quốc	Lọ	2	1.680.000,00	HP078	1.000	400		Việt Tiệp	600

Handwritten signature

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số ~~2965~~ 2965/SYT-TTKN ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm Y tế quận Hồng Bàng

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1305	Hafenthyl 145mg	Fenofibrat	145mg	3 vi x 10 viên, viên nén bao phim, uống	36	VD-25971-16	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm, Việt Nam	Viên	3	3.150,00	HP111	36.000	36.000		Kiến Thụy	0
2	G1496	Maltagit	Attapulgit mormoiron hoạt hóa + hỗn hợp magnesi carbonat-nhôm hydroxyd khô	2,5g + 0,5g	Hộp 30 gói x 3,3g thuốc bột pha hỗn dịch, Uống	36	VD-26824-17	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Gói	3	2.079,00	HP104	136.000		20.000	ĐHY	156.000
3	G2140	Pomatat	Magnesi Aspartat + Kali Aspartat	140mg + 158mg	Hộp 06 vi x 10 viên nén bao phim, uống	24	VD-22155-15	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	3	1.050,00	HP104	120.000		35.000	ĐHY	155.000
4	G0296	BFS-Naloxone	Naloxon hydroclorid	0,4mg/ml	Hộp 10 ống x 1ml, Dung dịch, Tiêm	24	VD-23379-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Ống	3	29.400,00	HP017	0		10	ĐHY	10

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2965**/SYT-TTKN ngày **30** tháng **10** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa quận Ngô Quyền

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0043	SEAOFLURA	Sevofluran	250ml	Hộp 1 chai 250ml, Dung dịch gây mê đường hô hấp	60 tháng	VN-17775-14	Piramal Critica Care, Inc. USA	Chai	1	1.825.000,00	HP014	55	10		An Dương	45
2	G1203	Domepa 250mg	Methyldopa	250mg	Hộp 10vi x 10 VBF, Viên nén bao phim, Uống	36 tháng	VD-24485-16	DOMESCO - Việt Nam	Viên	3	610,00	HP074	300.000	30.000		YHB	270.000
3	G1282	Aspirin - 100	Acid Acetylsalicylic	100mg	Hộp 3 vi * 10 viên, Viên bao tan trong ruột, Uống	24 tháng	VD-20058-13	Traphaco - Việt Nam	Viên	Nhóm 3	450,00	HP072	450.000	5.000		Hải An	445.000
4	G1531	Kagasdine	Omeprazol	20mg	Hộp 10 vi x 10 viên nang bao tan trong ruột, uống	36 tháng	VD-16386-12	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	viên	3	133,00	HP022	380.000	80.000		Kiến Thụy	300.000
5	G1674	Dopolys-S	Cao Ginkgo biloba +Heptaminol hydroclorid +Troxerutin	14mg+300mg+300mg	Hộp 3 vi x 10 VNA, Viên nang, Uống	36 tháng	VD-19629-13	DOMESCO - Việt Nam	Viên	3	2.980,00	HP074	64.200		2.000	Lê Chân	66.200

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
6	G1862	PANFOR SR- 500	Metformin hydrochlorid	500mg	Hộp 5 vỉ x20 viên, Viên nén phóng thích chậm, Uống	36 tháng	VN-20018-16	Inventia healthcare Pvt.Ltd- Ấn Độ	Viên	4	1.200,00	HP014	750.000	250.000		Thủy Nguyên	500.000
7	G1919	BFS-Neostigmine 0.5	Neostigmin metylsulfat	0,5mg/ml	Hộp 20 ống x 1ml, Dung dịch tiêm, Tiêm	36	VD-24009-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Ống	3	6.825,00	HP017	220	70		An Dương	150

SỞ
 Y TẾ
 HÀ NỘI
 SỞ
 Y TẾ
 HÀ NỘI

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2965**/SYT-TTKN ngày **30** tháng **10** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa quận Ngô Quyền

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1322	Hypravas 20	Pravastatin natri	20mg	Hộp 06 vỉ x 10 viên nén, uống	36	VD-23585-15	Công ty CPDP Medisun/Việt Nam	Viên	3	3.486,00	HP104	100.000		50.000	An Lão	150.000

12

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2965**/SYT-TTKN ngày **30** tháng **10** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Viện Y học Biển

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0019	Ketamin Hydrochloride Injection USP	Ketamin hydroclorid	50mg/1 ml - 10ml	Hộp 25 lọ, dung dịch tiêm, tiêm	60	01/2016 -P	Rotex - Đức	Ông	1	50.820,00	HP037	40		20	YHHQ	60
2	G0708	Ciprofloxacin Kabi	Ciprofloxacin	200mg/100ml	Hộp 48 chai, dung dịch tiêm truyền	36 tháng	VD-20943-14	Fresenius Kabi Bidiphar - Việt Nam	Chai	3	17.575 ^(*)	HP145	41.800	2.000		Kiến Thụy	39.800
3	G1095	Hismedan	Trimetazidin dihydrochlorid	20mg	Hộp 10 vỉ x 20 viên nén bao phim, uống	36 tháng	VD-18742-13	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	viên	3	82,00	HP022	249.000	40.000		Kiến Thụy	209.000
4	G1203	Domepa 250mg	Methyldopa	250mg	Hộp 10 vỉ x 10 VBF, Viên nén bao phim, Uống	36 tháng	VD-24485-16	DOMESCO - Việt Nam	Viên	3	610,00	HP074	500.000		30.000	Ngô Quyền	530.000
5	G1488	Vinzix	Furosemid	40mg	Hộp 5 vỉ x 50 viên nén, uống	36 tháng	VD-15672-11	Vinphaco-Việt Nam	Viên	3	125,00	HP145	5.000		500	Việt Tiệp	5.500
6	G1863	Glucofast 500	Metformin hydrochlorid	500mg	Hộp 4 vỉ * 15 viên, viên nén bao phim, uống	36 tháng	VD-16435-12	Công ty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế - Việt Nam	viên	4	170,00	HP137	600.000	100.000		Kiến Thụy	500.000

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
7	G1885	Disthyrox	Levothyroxin (muối natri)	100mcg	Hộp 05 vỉ x 20 viên nén, uống	24	VD-21846-14	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	3	294,00	HP104	2.500		300	Việt Tiệp	2.800
8	G1896	Mezamazol	Thiamazol	5mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén, Uống	24	VD-21298-14	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	3	882,00	HP104	7.000		1.000	Việt Tiệp	8.000

Ghi chú: giá (*) là giá điều chỉnh sau giảm giá của sản phẩm Ciprofloxacin Kabi tại Công văn số 1367/SYT-TTKN ngày 31/5/2019 của Sở Y tế Hải Phòng

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số ~~2965~~ /SYT-TTKN ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm y tế quận Lê Chân

STT	Mã HSM T	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G1674	Dopolys-S	Cao Ginkgo biloba +Heptaminol hydroclorid +Troxerutin	14mg+300mg+300mg	Hộp 3 vỉ x 10 VNA, Viên nang, Uống	36 tháng	VD-19629-13	DOMESCO - Việt Nam	Viên	3	2.980,00	HP074	40.800	2.000		Ngô Quyền	38.800
2	G2043	Monteluka st 10mg	Montelukast	10mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Viên nén bao phim; Uống	36	VD-23044-15	Dopharma - Việt Nam	Viên	3	1.293,00	HP035	7.000	7.000		Lao	0

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2018 - 2019

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2965**/SYT-TTKN ngày **30** tháng **10** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Phụ Sản

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0462	Cefamandol 2G	Cefamando l nafat	2g	Hộp 1 lọ, bột pha tiêm, tiêm	36 tháng	VD-25796- 16	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Uông I - Pharbaco - Việt Nam	Lọ	Nhóm 3	75.000,00	GB26	0		3.000	TTYT Cát Hải	3.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2018 - 2019

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2965** /SYT-TTKN ngày **30** tháng **10** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm y tế huyện Cát Hải

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Phân nhóm	Giá trúng thầu (VNĐ)	Mã nhà thầu	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	G0462	Cefamandol 2G	Cefamando l nafat	2g	Hộp 1 lọ, bột pha tiêm, tiêm	36 tháng	VD-25796- 16	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Uơng I - Pharbaco - Việt Nam	Lọ	Nhóm 3	75.000,00	GB26	8.000	3.000		Phụ Sản	5.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị (gồm 351 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2965** /SYT-TTKN ngày **30** tháng **10** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Lao và bệnh Phổi

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/n hận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	BD314	Ventolin Inhaler	Salbutamol	100mcg/liều	Hộp 1 bình xịt 200 liều, Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp, Xịt theo đường miệng	24 tháng	VN-18791-15	Glaxo Wellcome S.A; đóng gói tại GlaxoSmith Kline Australia Pty., Ltd- Tây Ban Nha, đóng gói Úc	Bình xịt	76.379,00	KN08	3.570		350	An Dương	3.920

Handwritten signature

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị (gồm 351 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2965**/SYT-TTKN ngày **30** tháng **10** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm y tế huyện An Dương

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	BD314	Ventolin Inhaler	Salbutamol	100mcg/liều	Hộp 1 bình xịt 200 liều, Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp, Xịt theo đường miệng	24 tháng	VN-18791-15	Glaxo Wellcome S.A; đóng gói tại GlaxoSmith Kline Australia Pty., Ltd- Tây Ban Nha, đóng gói Úc	Bình xịt	76.379,00	KN08	7.050	350		Lao	6.700

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị (gồm 351 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2965**/SYT-TTKN ngày **30** tháng **10** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện đa khoa quận Ngô Quyền

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/n hận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	BD174	Betaloc Zok 25mg	Metoprolol tartrate	25mg	Hộp 1 vỉ x 14 viên, Viên nén phóng thích kéo dài, Uống	36 tháng	VN-17243-13	AstraZeneca AB-Thụy Điển	Viên	4.620,00	KN08	10.600		500	Việt Tiệp	11.100

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị (gồm 351 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị năm 2017 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2965**/SYT-TTKN ngày **30** tháng **10** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyên/nhận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	BD174	Betaloc Zok 25mg	Metoprolol tartrate	25mg	Hộp 1 vỉ x 14 viên, Viên nén phóng thích kéo dài, Uống	36 tháng	VN-17243-13	AstraZeneca AB-Thụy Điển	Viên	4.620,00	KN08	149.400	500		Ngô Quyền	148.900

VIỆT NAM

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu (gồm 246 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu năm 2017-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2965**/SYT-TTKN ngày **30** tháng **10** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm Y tế quận Dương Kinh

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/n hận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	CT080	Tuzamin	Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung Thiên niên kiện, Ngưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng.	250mg, 250mg, 250mg, 200mg, 200mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 100mg.	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên, Uống, viên nang cứng	36 tháng	VD-24355-16	Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam	Viên	2.740,00	ĐY16	350.000	100.000		Kiến Thụỵ	250.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu (gồm 246 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu năm 2017-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số **2965** /SYT-TTKN ngày **30** tháng **10** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Kiến Thụy

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/n hận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	CT078	Frentine	Mã tiên chế Thương trệt Hương phụ tứ chế Mộc hương Địa liên Quế chi.	50mg 20mg 13mg 8mg 6mg 3mg	Hộp 03 vi x 10 viên; Hộp 06 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên; hộp 1 chai 30 viên; Hộp 1 chai 60 viên, Uống, viên nang cứng	36 tháng	VD-25306-16	Công ty CP Dược Phẩm TW3, Việt Nam	Viên	1.800,00	ĐY18	50.000		50.000	YHHQ	100.000
2	CT080	Tuzamin	Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung Thiên niên kiện, Ngưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng.	250mg, 250mg, 250mg, 200mg, 200mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 150mg, 100mg.	Hộp 3 vi, 10 vi x 10 viên, Uống, viên nang cứng	36 tháng	VD-24355-16	Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplant ex - Việt Nam	Viên	2.740,00	ĐY16	200.000		100.000	TTYT Dương Kinh	300.000

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC TRÚNG THẦU NĂM 2017 - 2019

Gói thầu: Mua sắm thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu (gồm 246 lô thuốc)

Thuộc dự án: Mua sắm thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu năm 2017-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Công văn số ~~2965~~ **2965**/SYT-TTKN ngày **30** tháng **10** năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

Tên đơn vị: Viện Y học Hải Quân

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá trúng thầu	Mã NT	Số lượng đã phân bổ	Chuyển số lượng BV khác	Nhận số lượng BV khác	Đơn vị chuyển/n hận	Kế hoạch đã điều chỉnh
1	CT078	Frentine	Mã tiền chế Thương truat Hương phụ tứ chế Mộc hương Địa liên Quế chi.	50mg 20mg 13mg 8mg 6mg 3mg	Hộp 03 vi x 10 viên; Hộp 06 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên; hộp 1 chai 30 viên; Hộp 1 chai 60 viên, Uống, viên nang cứng	36 tháng	VD-25306-16	Công ty CP Dược Phẩm TW3, Việt Nam	Viên	1.800,00	ĐY18	221.500	50.000		Kiến Thụy	171.500